

**KẾT QUẢ KỶ THI NGHỀ PHỔ THÔNG**

KHOÁ THI NGÀY 07.7.2020

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NOI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
1	0005	D01	Lương Vĩ	An	18	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T.Bình
2	0011	D01	Nguyễn Minh	An	1	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.4	HÔNG
3	0017	D01	Trương Xuân	An	10	6	2005	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.0	Khá
4	0043	D02	Quách Tuấn	Anh	3	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.2	Khá
5	0045	D02	Tăng Quốc	Anh	7	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T.Bình
6	0047	D02	Trần Hoàng	Anh	30	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.4	T.Bình
7	0079	D03	Đặng Huỳnh Nguyễn	Bảo	22	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.2	HÔNG
8	0080	D03	Đỗ Hoàng Duy	Bảo	7	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
9	0085	D04	Hứa Gia	Bảo	21	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T.Bình
10	0100	D04	Nguyễn Phan Quốc	Bảo	28	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.4	T.Bình
11	0103	D04	Nguyễn Phúc Gia	Bảo	18	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T.Bình
12	0116	D05	Trần Quốc	Bảo	15	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
13	0128	D05	Khưu Nguyễn Kim	Bưu	25	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	10.0	Giỏi
14	0131	D05	Khưu Biên	Cảnh	19	10	2006	Bến Tre	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T.Bình
15	0132	D05	Trương Minh	Cảnh	10	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.6	HÔNG
16	0139	D05	Trần Lý	Châu	2	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.2	Khá
17	0144	D06	Lữ Thừa	Chí	13	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T.Bình
18	0146	D06	Tiều Nguyễn	Chiêu	16	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
19	0159	D06	Lê Trần Trí	Cường	28	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
20	0178	D07	Nguyễn Kim	Dũng	2	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
21	0181	D07	Tạ Nguyễn Tấn	Dũng	19	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.8	Khá
22	0184	D07	Doãn Nhật	Duy	23	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.4	Giỏi
23	0231	D09	Dương Chí	Đạt	8	4	2005	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.0	T.Bình
24	0243	D09	Lý Thành	Đạt	6	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
25	0257	D10	Phan Thanh	Đạt	16	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.0	Khá
26	0278	D10	Giang Gia	Đông	28	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.8	T.Bình
27	0289	D11	Thạch Hồng Tấn	Đức	26	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.8	T.Bình
28	0290	D11	Trịnh Duy	Đức	2	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.8	HÔNG

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
29	0310	D12	Trịnh Văn	Hải	23	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HỎNG
30	0321	D12	Nguyễn Anh	Hào	11	10	2006	Sóc Trăng	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.2	Khá
31	0326	D12	Quách Tuấn	Hào	30	8	2006	Kiên Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.6	Khá
32	0330	D12	Trần Gia	Hào	14	11	2005	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.8	HỎNG
33	0334	D12	Từ Gia	Hào	29	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
34	0335	D12	Dương Trung	Hào	10	12	2006	An Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Điện		VÃNG
35	0346	D13	Đỗ Văn	Hậu	1	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
36	0352	D13	Hàng Gia	Hì	18	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.8	Khá
37	0354	D13	Lưu Gia	Hiền	19	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T.Bình
38	0370	D14	Trần Ngọc Trung	Hiếu	18	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.4	HỎNG
39	0390	D14	Tô Phúc	Hoàng	11	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.0	Khá
40	0391	D14	Trần Minh	Hoàng	24	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.8	HỎNG
41	0396	D15	Cao Quốc	Hùng	6	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T.Bình
42	0406	D15	Bùi Trọng Đình	Huy	16	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.6	Khá
43	0420	D15	Lê Đăng	Huy	5	7	2006	Đông Nai	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
44	0426	D16	Liêu Thọ	Huy	16	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.8	T.Bình
45	0434	D16	Nguyễn Bảo	Huy	19	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.6	HỎNG
46	0439	D16	Nguyễn Hoàng	Huy	2	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.8	HỎNG
47	0441	D16	Nguyễn Minh	Huy	14	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.8	Khá
48	0448	D16	Nguyễn Quốc	Huy	1	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.4	Khá
49	0452	D17	Nguyễn Thương Gia	Huy	6	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.4	T.Bình
50	0482	D18	Vân Quốc	Huy	6	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.4	Khá
51	0490	D18	Lê Tiến	Hưng	17	12	2005	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T.Bình
52	0527	D19	Châu Vỹ	Khang	7	9	2006	Cameron Highlands	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	1.2	HỎNG
53	0538	D20	Huyền Phú	Khang	10	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.0	T.Bình
54	0545	D20	Lê Ngọc Vinh	Khang	1	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T.Bình
55	0611	D22	Nguyễn Đức	Khiêm	17	11	2006	Quảng Ngãi	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
56	0643	D23	Nguyễn Vũ	Khoa	5	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T.Bình

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
57	0655	D24	Trần	Khoa	1	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.8	T. Bình
58	0662	D24	Trần Đỗ Đăng	Khoa	13	12	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HÔNG
59	0668	D24	Võ Anh	Khoa	26	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.6	Giỏi
60	0670	D24	Hồ Bảo	Khởi	3	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
61	0676	D25	Nguyễn Anh	Khởi	1	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.8	HÔNG
62	0678	D25	Nguyễn Lê Minh	Khởi	28	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.8	T. Bình
63	0698	D25	Đào Văn	Kiệt	28	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T. Bình
64	0716	D26	Trần Chí	Kiệt	8	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
65	0718	D26	Trần Ngọc Tuấn	Kiệt	13	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.4	T. Bình
66	0721	D26	Trần Tuấn	Kiệt	12	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.6	Khá
67	0745	D27	Trần Nguyễn	Lâm	18	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
68	0760	D28	Lâm Nguyễn Minh	Long	23	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.0	Khá
69	0761	D28	Lê Nguyễn Hoàng	Long	26	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.8	Khá
70	0776	D28	Tăng Hoàng	Long	18	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
71	0778	D28	Từ Quách Thọ	Long	29	5	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.6	Khá
72	0781	D28	Đặng Diệu	Lộc	7	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
73	0792	D29	Tô Tuấn	Lộc	14	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.4	T. Bình
74	0803	D29	Lâm Thành	Luân	23	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HÔNG
75	0828	D30	Dương Nguyệt	Minh	13	4	2005	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.2	HÔNG
76	0834	D30	Lê Hồ Hoàng	Minh	10	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.4	Giỏi
77	0844	D31	Phan Quang	Minh	18	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.8	T. Bình
78	0846	D31	Trần Cao	Minh	9	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.4	T. Bình
79	0850	D31	Trương Thiệu	Minh	6	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.4	HÔNG
80	0878	D32	Phạm Quốc	Nam	20	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
81	0880	D32	Tô Nguyễn Hoài	Nam	23	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
82	0896	D32	Bùi Đỗ Trung	Nghĩa	9	4	2006	Đông Tháp	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.8	T. Bình
83	0898	D33	Hồ Thanh	Nghĩa	14	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.2	Giỏi
84	0922	D33	Lê Trọng	Nguyễn	2	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T. Bình

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
85	0931	D34	Trần Đức	Nguyễn	10	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.2	HỒNG
86	0960	D35	Tất Tinh	Nhật	13	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.4	Khá
87	0979	D35	Lý Hoàng	Nhựt	29	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.0	HỒNG
88	0993	D36	Dương Gia	Phát	14	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.6	T. Bình
89	0998	D36	Hình Vĩnh	Phát	22	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.6	Khá
90	0999	D36	Hoặc Kiến	Phát	18	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.0	T. Bình
91	1002	D36	Huyền Nhật	Phát	8	7	2006	Bình Dương	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.0	Khá
92	1007	D36	Lê Tấn	Phát	6	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.0	Giỏi
93	1013	D37	Nguyễn Minh	Phát	7	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	1.6	HỒNG
94	1021	D37	Quách Trén	Phát	21	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.2	Khá
95	1023	D37	Tô Trần Huy	Phát	27	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T. Bình
96	1026	D37	Trần Đại	Phát	10	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HỒNG
97	1036	D37	Lê Thanh Châu	Phi	15	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
98	1044	D38	Huyền Trần Đăng	Phong	9	7	2006	Bến Tre	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
99	1052	D38	Nguyễn Thanh	Phong	30	5	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T. Bình
100	1054	D38	Phạm Thái	Phong	27	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
101	1094	D40	Huyền Nhân	Phúc	15	5	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.4	Khá
102	1103	D40	Nguyễn Đăng Hoàng	Phúc	27	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.0	HỒNG
103	1117	D40	Tiền Thiên	Phúc	16	5	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.4	T. Bình
104	1139	D41	Huyền Quốc	Phuong	16	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.4	HỒNG
105	1149	D42	Lê Văn Phú	Quang	21	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
106	1150	D42	Lư Dương	Quang	23	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
107	1169	D42	Phạm Minh	Quân	11	5	2006	Bến Tre	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.0	HỒNG
108	1176	D42	Trần Ngọc Anh	Quân	30	12	2006	Quảng Ngãi	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.6	T. Bình
109	1200	D43	Châu Hoàng	Sang	3	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.0	HỒNG
110	1210	D44	Phan Tấn Vỹ	Sang	19	2	2004	An Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.2	T. Bình
111	1224	D44	Trần Huỳnh Ngọc	Som	2	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.4	T. Bình
112	1244	D45	Nguyễn Phước	Tài	1	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.6	HỒNG

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
113	1256	D45	Đặng Thanh	Tâm	10	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HÔNG
114	1261	D46	Nguyễn Hoàng	Tâm	1	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.4	Giỏi
115	1268	D46	Nguyễn Thanh Minh	Tân	26	7	2006	Tây Ninh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.8	HÔNG
116	1301	D47	Thái Tuấn	Thành	19	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.8	T. Bình
117	1315	D47	Huyền Minh	Thắng	16	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
118	1319	D48	Nguyễn Hữu	Thắng	22	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.4	T. Bình
119	1327	D48	Trần Hoàng	Thi	2	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.6	Khá
120	1346	D49	Võ Minh	Thiên	2	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.0	T. Bình
121	1358	D49	Lê Phúc	Thịnh	14	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.5	T. Bình
122	1359	D49	Lưu Quang	Thịnh	22	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.0	Khá
123	1364	D49	Nguyễn Trọng	Thịnh	24	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.4	Khá
124	1366	D49	Phạm Gia	Thịnh	15	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
125	1387	D50	Bùi Hoàng	Thuận	27	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
126	1410	D51	Trần Mai	Thương	29	4	2006	Quảng Ngãi	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	8.0	Khá
127	1456	D52	Cải Tăng Minh	Toàn	30	4	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.6	T. Bình
128	1467	D53	Phan Trọng	Toàn	13	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
129	1469	D53	Trần Mạnh	Toàn	4	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	1.4	HÔNG
130	1494	D54	Võ Cao	Trí	26	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.6	HÔNG
131	1497	D54	Phạm Công	Triều	26	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	9.2	Giỏi
132	1519	D55	Võ Nhật	Trương	11	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.4	HÔNG
133	1548	D56	Lý Minh	Tuấn	1	12	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T. Bình
134	1558	D56	Phan Thanh	Tuấn	6	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	4.2	HÔNG
135	1559	D56	Quan Văn	Tuấn	22	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	5.0	T. Bình
136	1564	D56	Đỗ Châu	Tùng	7	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	3.2	HÔNG
137	1565	D56	Hồng Thanh	Tùng	8	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	7.2	Khá
138	1577	D57	Trương Vĩnh	Tường	8	12	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.4	T. Bình
139	1611	D58	Trần Quang	Vinh	11	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	6.2	T. Bình
140	1617	D58	Nguyễn Hoàng	Vũ	13	11	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Điện	2.2	HÔNG

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
141	0007	N01	Bùi Thị Quỳnh	Anh	17	12	2006	Nam Định	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.8	T.Bình
142	0043	N02	Trần Tú	Anh	22	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.2	T.Bình
143	0060	N03	Hà Gia	Bào	31	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
144	0067	N03	Bùi Thiên	Bình	11	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.6	T.Bình
145	0095	N04	Nguyễn Thị Mai	Chi	29	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.6	T.Bình
146	0099	N04	Lâm Nguyễn Thị Kim	Cuong	4	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
147	0112	N04	Hồ Võ Minh	Du	27	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
148	0116	N05	Đặng Thị Mỹ	Dung	31	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.8	Khá
149	0128	N05	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
150	0129	N05	Nguyễn Tường Duy	Duyên	5	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
151	0135	N05	Nguyễn Kim	Đinh	7	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
152	0137	N05	Huyền Yến	Đông	26	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.2	T.Bình
153	0138	N05	Huyền Tư	Đông	8	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
154	0141	N06	Nguyễn Ngọc	Giang	29	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
155	0145	N06	Huyền Thị Kim	Giàu	14	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.0	T.Bình
156	0149	N06	Trần Bích	Hà	8	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.8	Khá
157	0154	N06	Huyền Kim	Hào	18	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
158	0177	N07	Ngô Nguyễn Bảo	Hân	27	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.2	T.Bình
159	0209	N08	Thạch Ngọc	Hiếu	8	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
160	0219	N08	Nguyễn Khánh	Huyền	13	5	2006	Hà Tĩnh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá
161	0223	N08	Phan Thu	Huyền	24	7	2006	Kiên Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
162	0224	N08	Hồ Bội	Huyền	17	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
163	0233	N09	Nguyễn Phú Quỳnh	Hương	30	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
164	0246	N09	Mai Xuân	Khuyên	15	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
165	0260	N10	Tăng Văn	Kỳ	4	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.4	T.Bình
166	0279	N10	Khưu Khánh	Linh	5	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.0	Khá
167	0289	N11	Nguyễn Thùy	Linh	25	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
168	0291	N11	Phạm Ngọc Thảo	Linh	4	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NOI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
169	0294	N11	Thái Y	Linh	24	7	2005	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	3.4	HỒNG
170	0305	N11	Nguyễn Thị Trúc	Ly	9	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.6	Khá
171	0307	N11	Lâm Trần Thùy	Mai	2	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.4	T.Bình
172	0310	N12	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	15	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
173	0337	N13	Lê Thị Ngọc	My	10	1	2006	Tiền Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.8	T.Bình
174	0342	N13	Nguyễn Hồ Hải	My	28	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
175	0346	N13	Nguyễn Trà	My	22	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.6	Khá
176	0365	N14	Danh Thị Kim	Ngân	22	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
177	0371	N14	Hứa Kim	Ngân	14	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
178	0377	N14	Nguyễn Hồng Trúc	Ngân	4	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
179	0381	N14	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	20	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.6	Khá
180	0382	N14	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.6	T.Bình
181	0387	N14	Phan Nguyễn Kim	Ngân	18	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.6	Khá
182	0402	N15	Huyền	Nghi	8	1	2006	Bất Tre	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.0	Khá
183	0409	N15	Nguyễn Hoàng Gia	Nghi	15	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.0	Khá
184	0423	N16	Bùi Thị Bích	Ngọc	4	4	2006	Nam Định	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
185	0425	N16	Lê Trần Hoàng	Ngọc	7	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
186	0462	N17	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn	15	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.0	T.Bình
187	0468	N17	Bùi Ngọc Bảo	Nhi	14	10	2006	Long An	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.8	Khá
188	0486	N18	Lê Uyên	Nhi	13	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
189	0495	N18	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
190	0496	N18	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	6	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
191	0505	N19	Trần Bảo	Nhi	20	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
192	0508	N19	Trần Thị Minh	Nhi	14	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
193	0518	N19	Lưu Ánh	Nhung	16	5	2006	Bình Dương	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
194	0528	N19	Huyền	Như	16	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
195	0544	N20	Nguyễn Thị Kim	Như	11	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
196	0551	N20	Trần Bích	Như	30	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.2	T.Bình

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NOI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
197	0552	N20	Trần Gia	Như	21	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
198	0554	N20	Trịnh Huỳnh	Như	16	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá
199	0557	N20	Nguyễn Thụy Hằng	Ni	6	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
200	0593	N22	Nguyễn Huỳnh Yên	Phượng	16	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá
201	0608	N22	Trịnh Xuân	Quý	21	12	2006	Yên Bình	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
202	0623	N23	Nguyễn Lê Mỹ	Quyển	6	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.6	T.Bình
203	0633	N23	Nguyễn Mai	Quyển	12	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.0	T.Bình
204	0644	N23	Lý Mỹ	Tâm	5	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
205	0659	N24	Quách Bích	Thanh	19	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.4	T.Bình
206	0671	N24	Đông Lê Thiên	Thảo	6	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.8	T.Bình
207	0674	N25	Lê Mộng Thanh	Thảo	19	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.0	Khá
208	0681	N25	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	11	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
209	0687	N25	Võ Phương Hồng	Thảo	8	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.6	T.Bình
210	0723	N26	Phạm Minh	Thư	10	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
211	0725	N26	Phan Lê	Thư	3	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.6	Khá
212	0728	N26	Trần Ngọc Minh	Thư	29	7	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.8	T.Bình
213	0753	N27	Trần Thị Mỹ	Tiên	4	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.8	T.Bình
214	0754	N27	Trương Thị Thủy	Tiên	23	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
215	0775	N28	Hồ Võ Quỳnh	Trâm	31	3	2006	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.0	Khá
216	0777	N28	Huỳnh Mỹ	Trâm	1	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
217	0798	N29	Đoàn Mộng Thiên	Trân	12	9	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.2	T.Bình
218	0823	N30	Hồ Thanh	Trúc	3	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.0	T.Bình
219	0825	N30	Lê Hoàng	Trúc	10	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
220	0827	N30	Nguyễn Bùi Thanh	Trúc	22	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
221	0833	N30	Võ Đình Thanh	Trúc	27	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.8	Khá
222	0840	N30	Trần Huỳnh Nhật	Tú	27	4	2006	Long An	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.2	Khá
223	0842	N31	Hứa Gia	Tuệ	6	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá
224	0845	N31	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	29	12	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.8	Khá

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
225	0849	N31	Mã Thanh	Tuyền	14	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
226	0855	N31	Trần Thanh	Tuyền	29	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
227	0858	N31	Huyền Thị Ánh	Tuyết	25	2	2006	Quảng Ngãi	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
228	0862	N31	Đỗ Lâm Tú	Uyên	6	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.4	T.Bình
229	0874	N32	Nguyễn Đăng Ngọc	Vân	30	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	5.0	T.Bình
230	0876	N32	Đăng Thanh	Vân	22	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
231	0901	N33	Huyền Thái Nhật	Vy	15	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.4	Khá
232	0929	N34	Tô Hoàng Triệu	Vy	9	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.8	Khá
233	0938	N34	La Thị Chúc	Xuân	13	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	4.6	HỒNG
234	0941	N34	Phan Ngọc Phú	Xuân	24	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
235	0958	N35	Hứa Kim	Yên	25	10	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.4	Khá
236	0960	N35	Lê Kim	Yên	1	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.0	Khá
237	0961	N35	Lê Mai Kim	Yên	19	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	3.2	HỒNG
238	0964	N35	Nguyễn Đăng Ngọc	Yên	18	01	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	6.8	T.Bình
239	0970	N35	Triệu Ngọc	Yên	24	10	2006	Sóc Trăng	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.2	Khá
240	0971	N35	Trương Hoàng Xuân	Yên	28	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	7.0	Khá
241	0972	N35	Trương Ngọc	Yên	24	3	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	8.6	Khá
242	0973	N35	Vương Ngọc	Yên	1	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Nấu Ăn	4.8	HỒNG
243	0015	C01	Giang Ngọc	Ân	29	5	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.0	T.Bình
244	0016	C01	Hồng Gia	Ân	30	11	2005	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	6.0	T.Bình
245	0041	C02	Nguyễn Trần Tường	Dung	16	12	2006	An Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	4.0	HỒNG
246	0046	C02	Dư Ngọc	Duyên	30	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.8	T.Bình
247	0058	C03	Nguyễn Thành	Đạt	26	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.4	T.Bình
248	0067	C03	Mai Ngọc	Giàu	15	4	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	4.0	HỒNG
249	0111	C04	Nguyễn Lê Minh	Khiết	17	11	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.4	T.Bình
250	0120	C05	Trần Gia	Kỳ	7	1	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	6.4	T.Bình
251	0124	C05	Nguyễn Vũ Bích	Lam	7	11	2006	Quảng Ngãi	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.8	T.Bình
252	0140	C05	Trần Nguyễn Thủy	Linh	12	2	2006	TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	4.2	HỒNG

STT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ LỜI	TÊN	NGÀY SINH	THÁNG SINH	NĂM SINH	NƠI SINH	HS TRƯỞNG	MÔN THI	ĐIỂM BÀI THI	XẾP LOẠI
253	0141	C06	Trương Mỹ	Linh	7	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.2	T. Bình
254	0153	C06	Trương Thị Triệu	Mẫn	3	2	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.4	T. Bình
255	0167	C06	Nguyễn Thị Thúy	Nga	22	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	4.0	HÔNG
256	0176	C07	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngân	31	5	2005	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	6.8	T. Bình
257	0180	C07	Nguyễn Thành Thu	Ngân	20	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	6.2	T. Bình
258	0185	C07	Trình Võ Thảo	Ngân	6	8	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.8	T. Bình
259	0194	C07	Vũ Trọng	Nghĩa	10	5	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.6	T. Bình
260	0212	C08	Tiêu Lâm	Nguyễn	15	10	2006	Khánh Hòa	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.0	T. Bình
261	0221	C08	Nguyễn Lưu Thanh	Nhi	24	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	3.8	HÔNG
262	0247	C09	Nguyễn Ngọc Phương	Quanh	29	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	4.0	HÔNG
263	0286	C11	Ngô Chí	Son	29	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.0	T. Bình
264	0290	C11	Đặng Thư	Tâm	14	12	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.4	T. Bình
265	0298	C11	Hồ Trần Thiên	Thanh	3	12	2006	Đông Tháp	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.0	T. Bình
266	0299	C11	Mao Ngọc	Thanh	9	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	6.2	T. Bình
267	0309	C12	Lý Thu	Thảo	18	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.2	T. Bình
268	0318	C12	Lưu Thị Cẩm	Thu	13	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.2	T. Bình
269	0348	C13	Lê Ngọc Bảo	Trâm	8	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	7.2	Khá
270	0378	C14	Ông Gia	Trụ	15	12	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.2	T. Bình
271	0380	C14	Lưu Thanh	Tuyền	15	6	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.0	T. Bình
272	0403	C15	Nguyễn Tuyết	Vân	16	9	2006	Tiền Giang	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	3.0	HÔNG
273	0420	C15	Nguyễn Võ Tường	Vy	4	9	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Thủ Công	5.6	T. Bình
274	0014	T01	Đông Trương Ngọc	Châu	22	7	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	8.0	Khá
275	0022	T01	Nguyễn Cao Bá	Đạt	6	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	7.8	Khá
276	0031	T02	Âu dương Thục	Hân	20	1	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	9.0	Giỏi
277	0060	T03	Trương Minh	Khang	21	3	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	6.2	T. Bình
278	0061	T03	Vũ Nam	Khánh	22	10	2006	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	8.6	Khá
279	0073	T03	Lê Trần Thúy	Lin	14	1	2006	Đông Tháp	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	7.2	Khá
280	0074	T03	Bùi Thị Thủy	Linh	10	8	2006	Hà Tĩnh	Nguyễn Đức Cảnh	Tin Học	5.2	T. Bình

